TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HC-PT
Ngày: 29/09/2021
V/v khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang

Bà Vũ Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Văn Đẳng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc "*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 09 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 09 năm 2021, giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Anh Phạm Diệp Bảo S, sinh năm 1982; có mặt

Địa chỉ: 107 L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Anh Q, sinh năm 1980 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (Theo Giấy ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 27/9/2021). Có mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1955; Địa chỉ: 393 N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Ông Trương Xuân L; Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Bà Võ Thị N, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.Vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện anh Phạm Diệp Bảo S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2017 và quá trình tố tụng, người khởi kiện anh Phạm Diệp Bảo S trình bày: Năm 1999 cha anh là ông Phạm Văn C có thuê một phần diện tích đất của UBND xã H để trồng tiêu với diện tích 4.425m^2 thuộc thửa 431, tờ bản đồ 5D và nhận chuyển nhượng lại khoảng 2.800m^2 đất của ông Phạm Ngọc B, trên phần diện tích đất này có trại khoảng 20m^2. Năm 1999 cha anh (ông Phạm Văn C) có làm đơn xin UBND xã H và UBND xã S để sửa chữa, cải tạo, xây dựng trại giữ tiêu và đã được sự đồng ý của hai xã. Năm 2012 cha anh chuyển quyền canh tác, sản xuất đất trồng hồ tiêu mà đã thuê của UBND xã H cho anh quản lý với diện tích 4.425m^2, chiều ngang 30m x 150m, có giới cận: Đông giáp đất gia đình ông Phạm Ngọc B; Tây giáp quốc lộ 29; Nam giáp đất còn lại của ông Phạm Văn C; Bắc giáp đất ông D. Khi cha anh hết thời hạn thuê với UBND xã H, anh tiếp tục ký hợp đồng thuê đất với UBND xã H diện tích 4.425m^2 thời hạn thuê 5 năm, kể từ ngày 01/01/2016.

Quá trình sử dụng ranh giới diện tích hai thửa đất này không còn, năm 2015 cơ quan có thẩm quyền đo đạc bao trùm hai thửa đất nói trên gộp thành thửa 272 diện tích 7.383,5m^2. Tháng 10/2016 trại tiêu cha anh hư hỏng, cha anh bận công việc nên bảo anh đến UBND xã H báo cáo sự việc, anh làm đơn gửi UBND xã H xin sửa chữa, cải tạo, xây dựng trại với diện tích khoảng 68m^2 đất trại và 35m^2 sân phơi, toàn bộ diện tích xây dựng này nằm trong diện tích 130m^2 mà trước đây UBND xã H và UBND xã S cho phép cha anh xây dựng trại, không nằm trong phần diện tích 4.425m^2, thửa 431, tờ bản đồ 5D mà anh đã thuê UBND xã H.

Ngày 16/6/2017 Chủ tịch UBND xã H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-UBND vì vi phạm hành chính chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Không

đồng ý với Quyết định này, anh khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND xã H.

Người bị kiện - Chủ tịch UBND xã H và đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã H trình bày: Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 04/4/1998 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của huyện đoàn T giao cho UBND xã H quản lý, sử dụng tại thửa 266, tờ bản đồ 01, diện tích 27.920m^2 đưa vào quỹ đất công ích cho trồng tiêu. Năm 1999 khi lập lại bản đồ thì thửa số 266, tờ bản đồ 01 chuyển thành thửa 431, tờ bản đồ 5D, diện tích 27.920m^2. Từ năm 1999 đến năm 2015 UBND xã H cho ông Phạm Văn C thuê với diện tích 4.425m2 tại thửa 431, tờ bản đồ 5D để trồng tiêu. Cuối năm 2015 ông C hết hạn hợp đồng, anh Phạm Diệp Bảo S là người ký hợp đồng mới, thời hạn từ ngày 01/01/2016 đến 01/01/2021. Thửa đất anh S xây dựng công trình trái phép thuộc thửa 431, tờ bản đồ 5D là đất công ích do UBND xã quản lý. Đất này thuộc loại đất nông nghiệp, không được tự ý chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Căn cứ biên bản làm việc ngày 07/5/2017 anh S xác nhận chính là người xây dựng công trình trên đất, ngày 17/5/2017 UBND xã H tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với anh S. Trong thời gian gia hạn anh S không tự nguyện tháo gỡ công trình trên đất nên ngày 16/6/2017 Chủ tịch UBND xã H đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-XPVPHC đối với anh Phạm Diệp Bảo S đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp, quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 8 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Bị áp dụng hình thức xử phạt: 1.500.000 đồng; các biện pháp khắc phục tháo dỡ công trình đã xây dựng trái phép để trả lại đất như hiện trạng ban đầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày: Năm 1997 ông ký hợp đồng thuê đất UBND xã H với diện tích 4.425m^2 mục đích trồng tiêu, thời hạn thuê đến hết năm 2015. Khi thuê trên đất đã có trại nhưng hư hỏng nên ông có làm đơn xin UBND xã H và xã S để sửa chữa lại trại trông coi tiêu, phần trại nằm trên đất ông mua của ông Phạm Ngọc B. Năm 2016 ông hết hạn thuê đất thì con là Phạm Diệp Bảo S tiếp tục ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân xã H diện tích đất trên. Năm 2016 trại cũ hư hỏng nên ông C bảo anh S báo cáo UBND xã H để xin sửa chữa trại, chi phí xây dựng trại do ông bỏ ra khoảng 210.000.000 đồng, anh S chỉ là người giúp kêu công thợ trông coi. Phần đất xây trại nằm trên nền móng trại cũ và là đất mà trước đây ông mua của ông B.

Người làm chứng:Ông Phạm Ngọc B trình bày: Năm 1994 ông có chuyển nhượng cho ông C một diện tích đất để sản xuất nông nghiệp với giá 2.500.000

đồng. Nguồn gốc đất ông chuyển nhượng là của cha vợ (ông Nguyễn N, đã chết) cho ông nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh việc ông N cho ông diện tích đất này.

Ông Trương Xuân L xác nhận: Năm 1999 ông Trương Xuân L, ông Trần Duy V và ông Phạm Văn C được UBND xã H cho thuê mỗi người 30m bề ngang dọc theo đường DT 645 nay là Quốc lộ 29, chiều dài từ mép đường lộ đến giáp kênh Bình Sơn, diện tích mỗi người thuê là 4.425m^2 để trồng hồ tiêu. Phần tiếp giáp lô đất ông Phạm Văn C xây dựng không nằm trong diện tích thuê của UBND xã H.

Bà Võ Thị N xác nhận: Mùa mưa năm 2016, cây táo cổ thụ nằm phía trên nhà ở ông Phạm Văn C chết làm gãy, đổ mái nhà phía trước của ông. Ông C xây dựng lại trên diện tích mái nhà đổ và sân phơi tiêu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, 348, 358 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 10, 12, 57, 143 Luật Đất Đai; điểm a khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 58 của Luật xử phạt vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định 81 ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử phạt vi phạm hành chính.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Diệp Bảo S về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tây Hòa.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26/4/2019 người khởi kiện anh Phạm Diệp Bảo S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tây Hòa.

Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa trình bày quan điểm và đề xuất giải quyết vụ án hành chính theo hướng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2

Điều 241 Luật tố tụng hành chính chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Diệp Bảo S, sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Phạm Diệp Bảo S có đơn kháng cáo hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và đã có lời trình bày tại hồ sơ nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Ngày 12/7/2017 anh Phạm Diệp Bảo S có đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND xã H là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[3] *Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:* Chủ tịch UBND xã H xác định anh Phạm Diệp Bảo S có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền ký quyết định xử phạt hành chính không quá 5.000.000 đồng và theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm.

[4] *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:*

[4.1] *Xét Biên bản vi phạm hành chính:* Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 58 của Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: *1.* "*Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản….*"; *2.* "*Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ…hành vi vi phạm,…lời khai của người vi phạm…*"; *3. "…Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản…";* Khoản 3 Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính quy định "*Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần".*

Theo nội dung Biên bản làm việc ngày 07/4/2017 giữa UBND xã H với anh Phạm Diệp Bảo S thể hiện UBND xã đã biết được anh Phạm Diệp Bảo S đã xây dựng công trình diện tích 8m x 8,5 m và sân phơi tiêu diện tích 3,5m x 10m trên phần diện tích đất thuê của UBND xã H. Nhưng đến ngày 17/5/2017 Chủ tịch UBND xã H lập Biên bản vi phạm hành chính đối với anh S. Theo hồ

sơ vụ án và quá trình tố tụng thể hiện có 02 Biên bản vi phạm hành chính được lập cùng ngày, cùng số nhưng có nội dung khác nhau. Cụ thể: Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 17/5/2017 (do anh S cung cấp) với nội dung anh S có hành vi vi phạm hành chính về "…*Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp trên phần đất mà UBND xã H cho anh S thuê để sản xuất tiêu…*"; Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 17/5/2017 (do Chủ tịch UBND xã H cung cấp) với nội dung anh S có hành vi vi phạm hành chính về "*… Xây dựng công trình diện tích 8m x 8,5m và sân phơi tiêu 3,5m x10m tại thửa 431, tờ bản đồ 5D là đất công ích 5% do UBND xã quản lý"*. Nội dung tại biên bản do Chủ tịch UBND xã H cung cấp được ông Nguyễn H (nguyên Chủ tịch UBND xã H) xác định do cán bộ địa chính tự ý ghi bổ sung nội dung, ông H không biết; anh Lương Bảo T (cán bộ địa chính) xác định việc anh tự ghi thêm nội dung vào Biên bản vi phạm hành chính là để giải thích rõ hành vi chuyển mục đích của anh S theo Biên bản làm việc ngày 07/4/2017, Chủ tịch UBND xã không biết việc ghi bổ sung này. Hội đồng xét xử xét thấy, Biên bản vi phạm hành chính là một trong những căn cứ để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính hợp pháp khi được lập theo đúng quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013, biên bản vi phạm hành chính phải đảm bảo về chủ thể có thẩm quyền, hình thức, nội dung, tính kịp thời trong việc lập biên bản và một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Trong khi đó vụ việc của anh Phạm Diệp Bảo S được lập biên bản làm việc vào ngày 07/4/2017 nhưng đến ngày 17/5/2017 mới lập Biên bản vi phạm hành chính nhưng không mô tả được nội dung hành vi vi phạm hành chính của anh Phạm Diệp Bảo S. Khi phát hiện sai sót này cán bộ địa chính xã H đã tự ý ghi thêm nội dung vào Biên bản vi phạm hành chính ngày 17/5/2017 về diện tích xây dựng công trình và sân phơi tiêu, số thửa đất, tờ bản đồ và loại đất nhưng Biên bản này lại không được giao cho anh Phạm Diệp Bảo S là không đúng quy định Điều 58 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4.2] *Về thời hạn ban hành Quyết định xử phạt hành chính:*

Ngày 17/5/2017 Chủ tịch UBND xã H lập biên bản vi phạm hành chính đối với anh Phạm Diệp Bảo S. Tuy nhiên, trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính lưu giữ tại UBND xã H đã cung cấp trong quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm không có tài, liệu chứng cứ thể hiện vụ việc thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật xử lý vi phạm hành chính mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ; đồng thời không có văn bản gia hạn của người có thẩm quyền. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện việc xin gia hạn đề ngày 24/5/2017 được Chủ tịch UBND xã H ký Duyệt. Tuy nhiên văn bản này không đúng hình thức và thẩm quyền gia hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành

chính. Vì vậy, ngày 16/6/2017 Chủ tịch UBND xã H mới ban hành Quyết định hành xử phạt vi phạm hành chính là quá thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính và không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính "*Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật này;"*

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Diệp Bảo S là có cơ sở nên chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và đề nghị của vị Đại diện viện kiểm sát.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh Phạm Diệp Bảo S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm**.** Người bị kiện Chủ tịch UBND xã H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện anh Phạm Diệp Bảo S. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 348, Điều 349 và Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; Điều 58, khoản 1 Điều 66 và điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Diệp Bảo S.

Tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPVPHC ngày 16/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.

2. Về án phí: Chủ tịch UBND xã H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho người khởi kiện anh Phạm Diệp Bảo S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số AA/2015/0005631 ngày 29/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số AA/2015/0010860 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.500.000 đồng (gồm 1.000.000 đồng ở cấp sơ thẩm và 1.500.000 đồng ở cấp phúc thẩm) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H phải chịu. Do người khởi kiện anh Phạm Diệp Bảo S đã nộp tạm ứng 2.500.000 đồng nên Chủ tịch UBND xã H phải hoàn trả cho anh Phạm Diệp Bảo S số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Thời hạn, trình tự thủ tục thi hành và xử lý trách nhiệm với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo Nghị định 71/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 9 năm 2021).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV-THAHS;
- TAND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS H.Tây Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đậu Thị Quy

CÁC THẨM PHÁN

TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV-THAHS;
- TAND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS h.Tây Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS h. Tây Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Quy